



BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	13 - 28
8. Phụ lục	29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với **Báo cáo tài chính hợp nhất** cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thiết bị điện đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của:

- Công ty Cổ phần Thiết bị điện (Công ty mẹ);
- Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư Thibidi (Công ty con).

Khái quát về Công ty**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Thiết bị điện được chuyển từ Công ty TNHH một thành viên Thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công thương ngày 05 tháng 9 năm 2007. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000463 ngày 06 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hiện nay của Công ty là 3600253826.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung Giấy phép từ lần 1 đến lần 2 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tương ứng 12.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000VND/cổ phần.

Chi tiết các cổ đông sáng lập:

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tổng giá trị (đ)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam)	7.680.000	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	360.000	3.600.000.000	3,00
Nhân viên công ty	1.368.817	13.688.170.000	11,41
Cổ đông khác	2.591.183	25.911.830.000	21,59
Cộng	12.000.000	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại : (061) 3836443 - 3836609
 Fax : (061) 3836070
 Email : thibidi@hcm.vnn.vn
 Mã số thuế : 3600253826

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị điện tại TP. Hồ Chí Minh	824 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị điện tại Hà Nội	27 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty mẹ:

- Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp;
- Thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Cho thuê văn phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Mua bán vật tư, bán thành phẩm, thiết bị và phụ kiện sản xuất thiết bị điện. Xây dựng và lắp đặt thiết bị cho công trình điện. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.	51%

Tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

Trong năm Công ty mẹ tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 10/NQ - TĐĐ ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Hội đồng quản trị như sau:

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	639.762.602
- Trích lập quỹ khen thưởng	2.983.717.110
- Trích lập quỹ phúc lợi	994.572.370

Đồng thời Công ty cũng đã tạm ứng cổ tức 10% cho cổ đông theo Nghị quyết số 11/NQ - TĐĐ ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng quản trị với số tiền 12.000.000.000 VND.

Trong đó:

Cổ tức thực chi	11.631.775.000
Cổ tức còn phải chi	368.225.000

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 02 tháng 3 năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã ra Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐQT đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2009. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 sẽ được thực hiện chính thức khi Đại hội cổ đông của Công ty thông qua.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	29 tháng 12 năm 2009	-
Ông Ngô Thanh Nguyên	Chủ tịch	01 tháng 01 năm 2008	29 tháng 12 năm 2009
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Thái Văn Đung	Trưởng ban	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Thanh Nguyên	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Lương Văn Trường	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Thiết bị điện đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện xác nhận rằng, **Báo cáo tài chính hợp nhất** đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

Ngày 02 tháng 6 năm 2010





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0677/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán **Báo cáo tài chính hợp nhất** năm 2009 của Công ty Cổ phần Thiết bị điện. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được hợp nhất từ số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện (công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư Thibidi (công ty con).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12 tháng 5 năm 2010, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, **Báo cáo tài chính hợp nhất** đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính đã được hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Võ Hùng Tiến - Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0083/KTV

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0954/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		642.907.271.342	584.625.306.185
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	116.983.609.712	20.841.056.125
1. Tiền	111		116.483.609.712	20.841.056.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.679.778.275	57.690.114.611
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	150.393.564.367	54.000.930.250
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	14.436.870.881	1.651.319.342
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3.997.963.019	2.037.865.019
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(10.148.619.992)	-
IV. Hàng tồn kho	140		356.566.528.060	485.836.179.752
1. Hàng tồn kho	141	V.6	356.566.528.060	485.836.179.752
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.677.355.295	18.257.955.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.688.700	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		128.616.273	10.909.385.674
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	1.249.182.423	2.878.855.061
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	9.202.867.899	4.469.714.962

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.261.622.376	85.045.050.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		56.538.927.832	60.018.143.356
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	55.687.883.910	58.370.966.827
<i>Nguyên giá</i>	222		128.016.988.624	120.420.667.183
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(72.329.104.714)	(62.049.700.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	851.043.922	877.839.918
<i>Nguyên giá</i>	228		1.172.065.200	1.172.065.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(321.021.278)	(294.225.282)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	769.336.611
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.002.000.000	1.002.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	2.002.000.000	1.002.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.720.694.544	24.024.907.572
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	7.060.771.849	19.691.375.075
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	3.659.922.695	1.333.532.497
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	5.000.000.000	3.000.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		717.168.893.718	669.670.357.113

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		565.153.465.674	559.893.024.010
I. Nợ ngắn hạn	310		563.980.695.221	559.719.106.382
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	316.878.069.889	352.909.695.134
2. Phải trả người bán	312	V.17	184.055.215.614	171.848.453.373
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	3.687.310.579	5.507.733.610
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	13.516.408.161	1.854.469.320
5. Phải trả người lao động	315	V.20	15.902.468.362	9.098.134.960
6. Chi phí phải trả	316	V.21	4.460.835.462	766.519.260
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	25.480.387.154	17.734.100.725
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.172.770.453	173.917.628
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	730.255.348	1.050.837
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	442.515.105	172.866.791
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.852.463.801	99.178.345.143
I. Vốn chủ sở hữu	410		141.981.719.345	98.873.021.803
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	120.000.000.000	95.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(2.201.151.170)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	456.393.043	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	1.564.869.848	833.640.089
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	20.611.747.377	1.489.521.467
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(129.255.544)	305.323.340
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	(129.255.544)	305.323.340
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		10.162.964.243	10.598.987.960
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		717.168.893.718	669.670.357.113

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
USD		461.119,60	139.885,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 12 tháng 5 năm 2010


Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	920.051.512.341	873.310.766.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	90.082.650	3.432.839.730
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	919.961.429.691	869.877.926.898
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	760.370.116.805	717.832.199.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		159.591.312.886	152.045.727.433
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.010.357.754	3.753.001.432
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	33.144.580.081	44.579.500.163
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.052.815.335	44.431.472.088
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	32.950.827.222	66.684.455.568
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	35.835.520.798	17.403.630.291
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.670.742.539	27.131.142.843
11. Thu nhập khác	31	VI.7	299.765.981	743.525.666
12. Chi phí khác	32	VI.8	16.253.202	60.957.914
13. Lợi nhuận khác	40		283.512.779	682.567.752
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.954.255.318	27.813.710.595
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		15.194.138.885	8.806.180.650
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.597.185.687)	(1.332.481.660)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>47.357.302.120</u>	<u>20.340.011.605</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8.877.033.589	2.758.987.960
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		38.480.268.531	17.581.023.645
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.733	1.851

Biển Hòa, ngày 12 tháng 5 năm 2010

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.954.255.318	27.813.710.595
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	11.082.193.325	12.332.538.925
- Các khoản dự phòng	03	V.5	10.148.619.992	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	166.425.227	(65.786.388)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.2	(1.760.505.477)	(175.000.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.052.815.335	44.431.472.088
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		112.643.803.720	84.336.935.220
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(104.154.750.964)	(11.526.159.356)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		129.269.651.692	(79.858.603.976)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39.589.744.739	(37.681.596.806)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.533.914.526	(2.190.471.817)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(31.005.765.930)	(44.229.036.604)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(5.342.777.988)	(3.669.746.268)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		38.600.000	711.785.416
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(20.446.320.457)	(7.790.983.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		133.126.099.338	(101.897.877.356)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.658.669.075)	(7.446.083.195)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	45.455.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.729.881.330	175.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.883.332.745)	(7.271.083.195)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	25.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.25	(2.201.151.170)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	567.616.697.676	536.051.519.611
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(603.648.322.921)	(446.611.807.978)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(20.849.510.242)	(2.014.216.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.082.286.657)	87.425.495.433
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		96.160.479.936	(21.743.465.118)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.841.056.125	42.584.521.243
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.926.349)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	116.983.609.712	20.841.056.125

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 12 tháng 5 năm 2010


Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thiết bị điện được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện (công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư Thibidi (công ty con).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp, thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện.
- Tổng số công ty con** : 01
- Tên công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	51%	51%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của các Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

18-C...
Y
TU HAI
VÀ
V
CHINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ việc đánh giá lại các tài sản dài hạn.

Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con chịu sự kiểm soát của công ty mẹ, sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản có chi tiết liên quan giữa các đơn vị được hợp nhất trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty lập dự phòng 100% những khoản chủ yếu từ năm 2005 (trước khi chuyển thành Công ty Cổ phần).
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của các Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập công ty được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Công thương, Cục Tài chính doanh nghiệp – Bộ Tài Chính và Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 3 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng năm 2009, Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư Thibidi (công ty con) được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với các công ty được trình bày ở thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	780.633.539	158.572.963
Tiền gửi ngân hàng	109.502.976.173	20.202.703.986
Tiền đang chuyển	6.200.000.000	479.779.176
Các khoản tương đương tiền	500.000.000	-
Cộng	116.983.609.712	20.841.056.125

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty mẹ	78.676.672.583	51.805.860.244
Tại Công ty con	71.716.891.784	2.195.070.006
Cộng	150.393.564.367	54.000.930.250

Các khoản phải thu trị giá 3.000.000 USD tại Công ty mẹ được thế chấp nhằm đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động (xem thuyết minh số V.16).

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty mẹ	14.364.844.481	1.581.686.491
Tại Công ty con	72.026.400	69.632.851
Cộng	14.436.870.881	1.651.319.342

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công đoàn tiền vay mua cổ phần	2.033.126.755	2.033.126.755
Phải thu về cổ phần hóa	4.738.264	4.738.264
Thuế thu nhập cá nhân thu lại người lao động	1.123.640.376	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	129.361.310	-
Phải thu khác	707.096.314	-
Cộng	3.997.963.019	2.037.865.019

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	10.811.944.980
Nguyên liệu, vật liệu	220.460.797.768	268.162.430.427
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.338.273.823	47.612.135.203
Thành phẩm	74.862.133.516	146.383.328.985
Hàng hóa	2.905.322.953	12.866.340.157
Cộng	356.566.528.060	485.836.179.752

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Toàn bộ hàng tồn kho tại Công ty mẹ có giá trị sổ sách là 312.032.005.041 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Hàng tồn kho tại Công ty con có giá trị sổ sách là 6.149.747.939 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt và Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (xem thuyết minh số V.16).

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	2.954.016.165	3.047.896.430
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.294.744.248	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.954.107.486	1.421.818.532
Cộng	9.202.867.899	4.469.714.962

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	48.968.787.112	57.272.109.384	9.618.316.865	4.561.453.822	120.420.667.183
Tăng trong năm	1.358.489.273	4.959.112.475	1.977.218.053	92.325.464	8.387.145.265
Mua sắm mới	1.358.489.273	2.205.112.475	1.977.218.053	92.325.464	5.633.145.265
Xuất tăng tài sản từ tồn kho hàng hóa	-	2.754.000.000	-	-	2.754.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(62.686.000)	(728.137.824)	-	(790.823.824)
Số cuối năm	50.327.276.385	62.168.535.859	10.867.397.094	4.653.779.286	128.016.988.624
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	495.412.520	26.539.827.270	1.908.346.239	2.124.726.653	31.068.312.682
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.455.092.415	38.251.567.058	5.584.851.185	2.758.189.698	62.049.700.356
Khấu hao trong năm	3.036.272.912	6.039.767.088	1.359.040.904	620.316.425	11.055.397.329
Thanh lý, nhượng bán	-	(62.686.000)	(713.306.971)	-	(775.992.971)
Số cuối năm	18.491.365.327	44.228.648.146	6.230.585.118	3.378.506.123	72.329.104.714
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	33.513.694.697	19.020.542.326	4.033.465.680	1.803.264.124	58.370.966.827
Số cuối năm	31.835.911.058	17.939.887.713	4.636.811.976	1.275.273.163	55.687.883.910
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 127.008.219.671 VND và 55.088.431.603 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	788.188.000	363.814.725	20.062.475	1.172.065.200
Số cuối năm	788.188.000	363.814.725	20.062.475	1.172.065.200
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	256.630.725	20.062.475	276.693.200
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	274.162.807	20.062.475	294.225.282
Khấu hao trong năm	-	26.795.996	-	26.795.996
Số cuối năm	-	300.958.803	20.062.475	321.021.278
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	788.188.000	89.651.918	-	877.839.918
Số cuối năm	788.188.000	62.855.922	-	851.043.922
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang công trình cải tạo, nâng cấp nhà xưởng

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	769.336.611	-
Nhận bàn giao	-	94.085.000
Chi phí phát sinh trong năm	130.507.186	675.251.611
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(899.843.797)	-
Số cuối năm	-	769.336.611

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng cổ phần sở hữu	Vốn đầu tư
Cổ phiếu Công ty CP Điện cơ Hà Nội	100.000	1.002.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	50.000	1.000.000.000
Cộng		2.002.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Lợi thế thương mại	3.088.591.783	-	(1.544.295.892)	1.544.295.891
Chi phí thành lập của Công ty con	36.423.921	-	(36.423.921)	-
Công cụ, dụng cụ	16.513.398.531	1.496.781.863	(12.493.704.436)	5.516.475.958
Chi phí khác	52.960.840	-	(52.960.840)	-
Cộng	19.691.375.075	1.496.781.863	(14.127.385.089)	7.060.771.849

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	1.333.532.497
Phát sinh trong năm	2.326.390.198
Số cuối năm	3.659.922.695

15. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ cho Xí nghiệp Long Biên.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	240.343.568.315	308.133.591.930
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa ^(a)	160.516.807.499	109.924.077.438
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai	-	22.439.175.595
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(b)	31.439.391.910	139.939.250.652
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	32.935.017.513	35.831.088.245
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(d)	8.652.351.393	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt ^(e)	6.800.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	76.534.501.574	44.776.103.204
Vay Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam ^(f)	64.000.000.000	34.000.000.000
Vay các cá nhân khác ^(g)	12.534.501.574	10.776.103.204
Cộng	316.878.069.889	352.909.695.134

(a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6 và V.9).

(b) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

(c) Khoản vay Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng chi phí vốn vay cộng 2% năm, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu trị giá 3.000.000 USD (xem thuyết minh số V.2).

(d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

(e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

(f) Khoản vay Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam với lãi suất từ 6 – 9,6%/năm tùy theo thời điểm trong năm.

(g) Khoản vay các cá nhân khác với lãi suất 3 – 8,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	308.133.591.930	523.711.723.300	(591.501.746.915)	240.343.568.315
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	44.776.103.204	43.904.974.376	(12.146.576.006)	76.534.501.574
Cộng	352.909.695.134	567.616.697.676	(603.648.322.921)	316.878.069.889

17. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty mẹ	13.651.323.105	74.844.951.053
Tại Công ty con	170.403.892.509	97.003.502.320
Cộng	184.055.215.614	171.848.453.373

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty mẹ	1.648.053.421	5.507.733.610
Tại Công ty con	2.039.257.158	-
Cộng	3.687.310.579	5.507.733.610

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	8.171.662.331	(6.355.764.477)	1.815.897.854
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.567.762.014	(3.567.762.014)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.002.751.052	(1.002.751.052)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.849.149.410	15.194.138.885	(5.342.777.988)	11.700.510.307
Thuế thu nhập cá nhân	(2.873.535.151)	1.707.576.999	(83.224.271)	(1.249.182.423)
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.443.221	(1.443.221)	-
Cộng	(1.024.385.741)	29.653.334.502	(16.361.723.023)	12.267.225.738

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

20. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho công nhân viên.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	1.869.048.328	310.303.776
Chi phí lãi vay	923.220.361	202.435.484
Chi phí thuê xe	275.149.940	204.800.000
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	1.344.436.833	-
Chi phí phải trả khác	48.980.000	48.980.000
Cộng	4.460.835.462	766.519.260

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	3.925.610.497	1.835.287.078
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	168.974.663
Kinh phí công đoàn	793.520.332	918.686.905
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	397.009.558	9.385.783.800
Phải trả về cổ phần hóa	17.000.000	1.738.928.996
Kinh phí hoạt động Đảng	611.570.614	462.161.830
Doanh thu chưa thực hiện	19.557.950.700	3.046.552.000
Các khoản phải trả khác	177.725.453	177.725.453
Cộng	25.480.387.154	17.734.100.725

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	1.050.837
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	729.204.511
Số cuối năm	730.255.348

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	172.866.791	-
Số trích lập trong năm	366.747.450	318.320.291
Số chi trong năm	(97.099.136)	(145.453.500)
Số cuối năm	442.515.105	172.866.791

25. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ (*)	120.000.000.000	95.000.000.000
Cộng	120.000.000.000	95.000.000.000

Trong năm Công ty mẹ phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 95 tỷ lên 120 tỷ.

(*) Vốn điều lệ của Công ty bao gồm:

	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị	Tỷ lệ (%)
Cổ động Nhà nước (Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam)	7.680.000	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	360.000	3.600.000.000	3,00
Nhân viên công ty	1.368.817	13.688.170.000	11,41
Cổ đông khác	2.591.183	25.911.830.000	21,59
Cộng	12.000.000	120.000.000.000	100,00

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	9.356.999.242
Tạm ứng cổ tức năm nay	11.492.511.000
Cộng	20.849.510.242

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	139.264	-
- Cổ phiếu phổ thông	139.264	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.860.736	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.860.736	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*): Số cổ phiếu Công ty mẹ được Công ty con mua từ các cổ đông khác.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	184.218.447	7.053.717.110	20.400.000	(7.427.424.305)	(169.088.748)
Quỹ phúc lợi	121.104.893	1.024.572.370	-	(1.105.844.059)	39.833.204
Cộng	305.323.340	8.078.289.480	20.400.000	(8.533.268.364)	(129.255.544)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	920.051.512.341	873.310.766.628
- Doanh thu bán sản phẩm	710.392.081.092	844.979.772.594
- Doanh thu bán vật tư	68.597.707.516	7.878.357.733
- Doanh thu bán hàng hóa	134.962.922.249	14.609.588.516
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa	5.148.931.173	4.550.567.043
- Doanh thu phế liệu	949.870.311	1.292.480.742
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(90.082.650)	(3.432.839.730)
- Chiết khấu thương mại	(90.082.650)	-
- Hàng bán bị trả lại	-	(3.432.839.730)
Doanh thu thuần	919.961.429.691	869.877.926.898
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm	710.392.081.092	841.546.932.864
- Doanh thu bán vật tư	68.597.707.516	7.878.357.733
- Doanh thu bán hàng hóa	134.872.839.599	14.609.588.516
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa	5.148.931.173	4.550.567.043
- Doanh thu phế liệu	949.870.311	1.292.480.742

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	590.272.668.666	696.999.984.708
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	61.830.871.992	11.921.664.398
Giá vốn của hàng hóa	107.655.565.092	5.993.095.643
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	611.011.055	2.917.454.716
Cộng	760.370.116.805	717.832.199.465

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.544.902.780	2.551.967.551
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	674.816.704	246.746.673
Cổ tức, lợi nhuận được chia	184.978.550	175.000.000
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	378.512.480	223.946.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	65.786.388
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.147.240	482.008.014
Lãi bán hàng trả chậm	-	7.546.806
Cộng	3.010.357.754	3.753.001.432

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.052.815.335	42.279.113.779
Lãi mua hàng trả chậm	-	2.152.358.309
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	166.425.227	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	924.689.519	146.578.075
Chi phí khác	650.000	1.450.000
Cộng	33.144.580.081	44.579.500.163

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	2.440.688.487	1.893.169.380
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.955.800	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.310.646.227	1.186.613.301
Chi phí chiết khấu bán hàng	19.215.987.576	56.382.859.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.272.410.475	3.238.991.909
Chi phí bằng tiền khác	5.688.138.657	3.982.821.008
Cộng	32.950.827.222	66.684.455.568

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.137.050.320	2.605.865.760
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.097.131.194	1.526.581.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.256.487.699	559.089.251
Thuế, phí và lệ phí	773.848.984	1.092.032.629
Chi phí dự phòng	10.148.619.992	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.590.852.979	4.766.317.641
Chi phí bằng tiền khác	10.831.529.630	6.853.743.888
Cộng	35.835.520.798	17.403.630.291

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	45.455.000	-
Thu nhập từ gia công	-	266.545.455
Chuyển nhượng cổ phần	4.415.090	182.085.482
Các khoản nợ không xác định được chủ	2.319.694	-
Thu nhập khác	247.576.197	294.894.729
Cộng	299.765.981	743.525.666

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	14.830.853	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	45.228.269
Chi phí khác	1.422.349	15.729.645
Cộng	16.253.202	60.957.914

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.326.390.198)	(1.333.532.497)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	729.204.511	1.050.837
Cộng	(1.597.185.687)	(1.332.481.660)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của công ty mẹ	38.480.268.531	17.581.023.645
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.480.268.531	17.581.023.645
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.308.879	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.733	1.851

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.500.000	9.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành thêm trong năm	835.616	-
Ảnh hưởng mua cổ phiếu quỹ trong năm	(26.737)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.308.879	9.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	-	25.523.810
Trả tiền mua tài sản cố định năm trước của Công ty TNHH MTV Thiết bị điện	-	359.996.963

2. Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.544.902.780	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	184.978.550	175.000.000
Lãi thanh lý tài sản cố định	30.624.147	-
Cộng	<u>1.760.505.477</u>	<u>175.000.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 02 tháng 3 năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã ra Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐQT đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2009. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 sẽ được thực hiện chính thức khi Đại hội cổ đông của Công ty thông qua.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.179.047.532 VND (năm trước là 1.682.976.419 VND)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam (Công ty mẹ) như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền vay phát sinh trong năm	30.000.000.000	34.000.000.000
Lãi vay phải trả trong năm	3.328.854.839	1.563.306.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền vay phải trả	64.000.000.000	34.000.000.000
Tiền lãi vay phải trả	882.000.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>64.882.000.000</u>	<u>34.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất và phí sử dụng hạ tầng sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	279.133.320	265.639.287
Trên 1 năm đến 5 năm	1.116.533.281	1.062.557.148
Trên 5 năm	10.133.686.652	9.917.200.045
Cộng	11.529.353.253	11.245.396.480

Công ty mẹ thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đã được ký với Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m²/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.

4. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 12 tháng 5 năm 2010



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số đầu năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước	95.000.000.000	1.549.860.247	-	-	-	-	96.549.860.247
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	17.581.023.645	17.581.023.645
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	833.640.089	(4.661.502.178)	(3.827.862.089)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>95.000.000.000</u>	<u>1.549.860.247</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>833.640.089</u>	<u>1.489.521.467</u>	<u>98.873.021.803</u>
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	1.549.860.247	-	-	833.640.089	1.489.521.467	98.873.021.803
Tăng vốn trong năm	25.000.000.000	-	-	-	-	-	25.000.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.201.151.170)	-	-	-	(2.201.151.170)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	38.480.268.531	38.480.268.531
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	456.393.043	731.229.759	(7.256.912.282)	(6.069.289.480)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	(101.130.339)	(101.130.339)
Số dư cuối năm nay	<u>120.000.000.000</u>	<u>1.549.860.247</u>	<u>(2.201.151.170)</u>	<u>456.393.043</u>	<u>1.564.869.848</u>	<u>20.611.747.377</u>	<u>141.981.719.345</u>

(*): Cổ phiếu quỹ do Công ty con mua 139.264 cổ phiếu của Công ty mẹ từ các cổ đông khác.

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City
Website : www.a-c.com.vn

Tel: (84-8) 38 272 295 - Fax: (84-8) 38 272 300
Tel: (84-4) 37 367 879 - Fax: (84-4) 37 367 869
Tel: (84-58) 3 876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Tel: (84-710) 3 764 995 - Fax: (84-710) 3 764 996